

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

LÊ THANH HÙNG

**HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN
ÁP DỤNG TẠI ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trịnh Tiến Việt

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung
tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	9		
1.1. Khái niệm và vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam	9		
1.1.1. Khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ	9		
1.1.2. Vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam	22		
1.2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến nay	27		
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	27		
1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến nay	30		
1.3. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định trong Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới	38		
1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga	38		
1.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa Pháp	40		
1.3.3. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	40		
Chương 2: HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA	43		
2.1. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành	43	2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa	50
2.1.1. Trong Phần chung Bộ luật hình sự	43	2.2.1. Một số đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của địa bàn tỉnh Thanh Hóa	50
2.1.2. Trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự	48	2.2.2. Tình hình áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại tỉnh Thanh Hóa	51
		2.2.3. Một số tồn tại, hạn chế của việc áp dụng hình phạt hình phạt cải tạo không giam giữ và các nguyên nhân của những hạn chế đó	58
		Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ	75
		3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ	75
		3.1.1. Về phương diện thực tiễn	76
		3.1.2. Về phương diện lập pháp	77
		3.1.3. Về phương diện lý luận	78
		3.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về hình phạt cải tạo không giam giữ	79
		3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ	85
		3.3.1. Tăng cường năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức pháp luật, ý thức trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân	86
		3.3.2. Tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật	88
		3.3.3. Giải pháp về sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và gia đình người được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giám sát, quản lý và giáo dục	89
		3.3.4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân	91
		3.3.5. Giải pháp tăng cường sự hợp tác quốc tế và trao đổi về kinh nghiệm lập pháp hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ	94
		KẾT LUẬN	96
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	98

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, các hình phạt có ý nghĩa quyết định và góp phần phát huy được vai trò tích cực là một bộ phận cấu thành không thể thiếu trong hệ thống các biện pháp tác động của Nhà nước và xã hội đến tội phạm. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển toàn diện của đất nước trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và qua thực tiễn áp dụng, nhiều quy định về hình phạt trong đó hệ thống hình phạt nói chung và hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng của Bộ luật hình sự năm 1999, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009 nhưng vẫn còn một số bất cập và hạn chế (như chưa đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ, điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ chưa được quy định chặt chẽ và hợp lý...).

Một số tồn tại và hạn chế nêu trên đã gây ra vướng mắc, lúng túng và có không ít trường hợp còn áp dụng chưa thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự trong hoạt động xét xử của Tòa án các cấp. Mặt khác, trong thực tiễn áp dụng, do chưa đánh giá hết vai trò, chức năng, công dụng của hình phạt cải tạo không giam giữ trong cải tạo, giáo dục người phạm tội, phòng ngừa tội phạm, nên các Tòa án còn ít quan tâm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, khi áp dụng còn có trường hợp không đúng, vi phạm nội dung điều kiện, phạm vi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc vận dụng chế định án treo; v.v... Tất cả những vấn đề này là nguyên nhân làm giảm hiệu quả của hình phạt cải tạo không giam giữ trong áp dụng và thi hành.

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về hình phạt cải tạo không giam giữ và thực tiễn áp dụng để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra những giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của việc áp dụng những quy định đó không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn quan trọng mà còn là lý do luận chứng cho sự cần thiết để chúng tôi lựa chọn đề tài "**Hình phạt cải tạo không giam giữ theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa**" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Do hình phạt có vị trí, vai trò quan trọng trong luật hình sự, nên ở trong và ngoài nước đã có nhiều công trình khoa học ở những mức độ khác nhau, những khía cạnh, phương diện khác nhau về hình phạt và hệ thống hình phạt, trong đó có hình phạt cải tạo không giam giữ.

Vấn đề hình phạt đã được nhiều chuyên gia ở nước ngoài nghiên cứu như: H.L.A. Hart, *Punishment and Responsibility*, Oxford, 1968; Cragg, Wesley, *The Practice of Punishment: Towards a Theory of Restorative Justice*, New York, Routledge, 1992; M. Bellmore, H.J.Greenberg and J.J.Jarvis, *Generalized Penalty - function concepts in Mathematical optimization*, Georgia Institute of Technology, Atlanta, Georgia Received June 17, 1968; v.v... Còn ở Việt Nam, khoa học luật hình sự là một trong những ngành khoa học pháp lý phát triển nhất so với các ngành khoa học pháp lý khác, do đó xét riêng về hình phạt, cho thấy có nhiều công trình nghiên cứu tiêu biểu ở các cấp độ khác nhau.

Cấp độ luận văn thạc sĩ thực hiện ở Viện Nhà nước và Pháp luật (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) có các đề tài của các tác giả Nguyễn Văn Vĩnh, *Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 1996; Vũ Lai Bằng, *Hình phạt tiền trong luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 1997; Đặng Đức Thọ, *Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 2001; v.v... Hay ở Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội có đề tài của Lê Khánh Hưng, *Các hình phạt không tước tự do trong luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 2010; Nguyễn Văn Cảnh, *Hình phạt và các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 2010; v.v...

Còn ở cấp độ luận án tiến sĩ luật học có các đề tài của các tác giả Nguyễn Sơn, *Các hình phạt chính trong luật hình sự Việt Nam*, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, 2003, Phạm Văn Beo, *Hình phạt tử hình trong luật hình sự Việt Nam*, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội 2007; Trịnh Quốc Toàn, *Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010; v.v...

Bên cạnh đó, về giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận có các công trình sau: GS.TSKH. Lê Văn Cẩm, *Chương thứ 7 - Hình phạt và biện pháp tư pháp*, trong Sách chuyên khảo sau đại học: *Những vấn đề cơ bản trong luật hình sự (phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005; GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001; Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995; v.v...

Ngoài ra, một số tác giả cũng đã công bố những bài báo khoa học đề cập đến hình phạt như: GS.TSKH. Lê Văn Cẩm, *Hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 8/2000; *Một số vấn đề cơ bản về hình phạt*, Tạp chí Công an nhân dân, số 5/2001; *Hình phạt và hệ thống hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7/2007; GS. TSKH. Lê Cẩm, TS. Trịnh Tiến Việt, *Thực trạng các quy định pháp luật hình sự Việt Nam về hệ thống hình phạt và phương hướng hoàn thiện*, Tạp chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 1/2009; GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa, *Mục đích của hình phạt*, Tạp chí Luật học, số 1/1999; PGS.TS. Trần Văn Độ, *Một số vấn đề về hình phạt cải tạo không giam giữ*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 5/1995; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Kháng, *Hình phạt - Một số vấn đề lý luận*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 10/2000; PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn, *Một số vấn đề về hình phạt quản chế trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 1/2004; *Về hình phạt cấm cư trú trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6/2004 và *Về hình phạt tiền trong luật hình sự một số nước trên thế giới*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 7/2003; TS. Phạm Văn Beo, *Một số vấn đề về khái niệm hình phạt*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11/2005; v.v...

Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát trên đây cho thấy, ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu cơ bản và trực diện về hình phạt chính và hình phạt bổ sung, còn đối với riêng hình phạt cải tạo không giam giữ, nhìn một cách tổng thể chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức, với tư cách là một hình phạt chính quan trọng trong hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi mà nước ta đang trong tiến trình hội nhập sâu rộng trên nhiều lĩnh vực trong khu vực cũng như trên toàn thế giới.

Vì vậy, tình hình nghiên cứu trên đây lại một lần nữa cho phép khẳng định việc nghiên cứu đề tài "**Hình phạt cải tạo không giam giữ theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa**" là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật về hình phạt cải tạo không giam giữ dưới khía cạnh lập pháp hình sự và áp dụng chúng trong thực tiễn, từ đó đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam, cũng như những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hình phạt này trong thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu trên, luận văn có những nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về hình phạt cải tạo không giam giữ như: Khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ, đặc điểm của hình phạt cải tạo không giam giữ, vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ;

b) Khái quát sự phát triển của hình phạt nói chung, hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng trong lịch sử pháp luật hình sự nước ta từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay để rút ra những nhận xét, đánh giá;

c) Nghiên cứu những quy định cụ thể về hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành, từ đó rút ra những tồn tại, hạn chế cần khắc phục;

d) Phân tích thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án các cấp tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đồng thời phân tích làm rõ những tồn tại, hạn chế xung quanh việc áp dụng và những nguyên nhân của nó;

đ) Đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự Việt Nam, cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hình phạt này trong thực tiễn.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu và giải quyết những vấn đề xung quanh hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam, kết hợp với việc nghiên cứu đánh giá tình hình áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án các cấp tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa và những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định (Bộ luật hình sự Việt Nam) và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hình phạt này trong thực tiễn.

Luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án các cấp tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong 11 năm (2003-2013).

4. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng X, XI và các Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 "*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*" và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 "*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*" của Bộ Chính trị.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, điều tra xã hội học... để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng những vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn này.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm khoa học về hình phạt, cũng như về hình phạt cải tạo không giam giữ để xây dựng nên khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ, bảo đảm tính chính xác, khoa học, đồng thời chỉ ra các đặc điểm cơ bản của hình phạt cải tạo không giam giữ. Luận văn còn nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của hình phạt cải tạo không giam giữ trong pháp luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, cũng như phân tích tình hình áp dụng hình phạt cải tạo không giam

giữ của Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời gian 11 năm (2003-2013), chỉ ra các hạn chế, tồn tại và những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó. Trên cơ sở này, luận văn đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đặc biệt, luận văn còn làm tài liệu tham khảo cần thiết cho các nhà làm luật Việt Nam và các nhà hoạt động thực tiễn trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cũng như làm tư liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành Luật hình sự tại các cơ sở đào tạo luật trong cả nước.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về hình phạt cải tạo không giam giữ theo luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn áp dụng tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ

*** Khái niệm hình phạt**

Trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những quan điểm của các học giả trong và ngoài nước về khái niệm hình phạt, tác giả luận văn đưa ra khái niệm hình phạt như sau: *Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà*

nước, do Tòa án quyết định trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người bị kết án, để tước bỏ hay hạn chế quyền, tự do của người đó, qua đó nhằm giáo dục, cải tạo họ và phòng ngừa tội phạm.

*** Mục đích của hình phạt**

Mục đích của hình phạt bao gồm hai mục đích chính như sau:

Một là, mục đích *phòng ngừa riêng* trước hết được thể hiện ở chỗ hình phạt áp dụng đối với người phạm tội không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, ngăn ngừa họ phạm tội mới.

Hai là, mục đích *phòng ngừa chung*. Mục đích phòng ngừa chung thể hiện ở việc ngăn ngừa người khác phạm tội.

*** Hệ thống hình phạt**

Tội phạm có nhiều loại khác nhau, mỗi loại tội phạm khi xảy ra trong thực tế lại có tính chất và mức độ nguy hiểm nhất định cho xã hội, xuất phát từ yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm, cần phải có hệ thống hình phạt thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước.

Việc quy định hình phạt và hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự góp phần thực hiện các nhiệm vụ của luật hình sự Việt Nam, đó là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm (Điều 1 Bộ luật hình sự).

*** Khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ dưới góc độ khoa học luật hình sự Việt Nam**

Dưới góc độ khoa học luật hình sự, theo chúng tôi khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ có thể được định nghĩa như sau: *Hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước do Bộ luật hình sự Việt Nam quy định, người bị kết án không bị cách ly khỏi xã hội mà được giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục, khi họ phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và Tòa án*

xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội cũng đủ để giáo dục, cải tạo họ thành người tốt.

Xuất phát từ khái niệm đã nêu và trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành có liên quan đến hình phạt cải tạo không giam giữ, có thể chỉ ra các đặc điểm cơ bản của hình phạt này như sau:

Một là, hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong những hình phạt phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và của luật hình sự Việt Nam nói riêng.

Hai là, hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính nặng nhất trong số các hình phạt không phải là tù.

Ba là, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không buộc người bị kết án cách ly khỏi đời sống xã hội. Người bị kết án được thi hành án trong môi trường bình thường trước sự giám sát, giáo dục của cơ quan tổ chức hoặc chính quyền địa phương.

Bốn là, hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.

Năm là, người bị kết án phải có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

1.1.2. Vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam

Vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong việc thực hiện chính sách hình sự được thể hiện trên ba phương diện chủ yếu: Xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật và bảo đảm yêu cầu xử lý về hình sự.

1.2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ từ sau Sách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến nay

1.2.1 Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Hình phạt cải tạo không giam giữ được đề cập lần đầu tiên trong Luật Nghĩa vụ quân sự được Quốc hội thông qua ngày 30/12/1981 (Khoản 1 Điều 69).

Tiếp theo đó, ngày 30/6/1982, tại Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, một lần nữa hình phạt cải tạo không giam giữ lại được đề cập tới.

Ngoài các quy định nói trên, trong giai đoạn này chúng tôi không tìm được thêm văn bản pháp quy nào khác đề cập tới hình phạt cải tạo không giam giữ. Điều đó cho thấy các nhà làm luật đã bắt đầu có những quan tâm đến hình phạt này nhưng vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ chưa cao. Thậm chí, trong các văn bản pháp lý và các sách chuyên khảo pháp lý khái niệm về hình phạt này chưa được đề cập.

Qua các văn bản quy phạm đã nêu ở hai văn bản quy phạm pháp luật nói trên, chúng ta nhận thấy một số đặc điểm cơ bản về hình phạt cải tạo không giam giữ được đề cập tới trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời là:

- Phạm vi áp dụng của hình phạt rất hẹp, chỉ gồm những trường hợp thuộc các tội cụ thể.

- Thời hạn hình phạt cải tạo không giam giữ là từ ba tháng đến hai năm.

1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến nay

Hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định tại Điều 24 Bộ luật hình sự năm 1985.

Theo đó, hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự năm 1985 có những đặc điểm sau:

- Về thời hạn áp dụng: Hình phạt cải tạo không giam giữ có thời hạn từ

1.3. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định trong Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới

Tác giả luận văn trình bày sơ lược về quy định hình phạt cải tạo không giam giữ theo Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới, bao gồm:

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

1.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa Pháp

1.3.3. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Chương 2

HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

2.1. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành

2.1.1. Trong Phần chung Bộ luật hình sự

Hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính được quy định muộn hơn so với các hình phạt khác (lần đầu tiên được quy định trong Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981 và Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ buôn lậu năm 1982). Cho đến khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời, hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định tại một điều luật riêng rẽ (Điều 24) với tính cách là hình phạt chính trong hệ thống hình phạt nước ta.

Tương tự, Điều 71 quy định về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội. theo đó, hình phạt cải tạo không giam giữ, bên cạnh các hình phạt khác như cảnh cáo, phạt tiền, tù có thời hạn, là một trong các hình phạt được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

Điều 73 quy định khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó. thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

Tóm lại, quy định của Phần chung Bộ luật hình sự năm 1999 về hình phạt cải tạo không giam giữ còn thiếu định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ. Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 chỉ quy định các điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, không hề có sự xác định nội dung hình phạt cải tạo không giam giữ là gì. Việc xác định nội dung của hình phạt thông qua quy định của pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng, nó làm cho mọi người thấy được các dấu hiệu bắt buộc của hình phạt, cụ thể:

- Đối với chủ thể áp dụng pháp luật (Tòa án): Các nội dung pháp lý của hình phạt cho phép các Thẩm phán khi áp dụng hiểu được khả năng răn đe, giáo dục của hình phạt, hiệu lực và hiệu quả của nó.

2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực tiễn xét xử hình sự là một phần của cấu trúc chung của pháp luật hình sự, vì nó là sự thể hiện các quy định của pháp luật hình sự trong thực tiễn, hay nói cách khác thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là hình thức sống của quy phạm pháp luật hình sự. Tính hiệu quả của quy phạm pháp luật hình sự được đánh giá qua thực tiễn xét xử. Do đó, việc xây dựng hệ thống hình phạt nói chung và hệ thống hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng chỉ có ý nghĩa thực tiễn khi hình phạt được quyết định đúng và đảm bảo tốt việc chấp hành hình phạt.

Phân tích, so sánh kết quả hoạt động xét xử sơ thẩm từng năm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cho thấy tổng số vụ án và số bị cáo đã bị xét xử có tăng, có giảm nhưng trong những năm gần đây (2010-2013) số vụ án và số bị cáo bị xét xử tăng mạnh.

Còn nếu căn cứ vào tỷ lệ bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trên tổng số bị cáo trong nhóm tội phạm đó bị xét xử sơ thẩm thì chiếm vị trí đầu tiên lại là nhóm tội phạm về môi trường với 17,65%; sau đó là nhóm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng chiếm 9,92%; Nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính chiếm 4,79%; Nhóm các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân 3,45%. Tỷ lệ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trên tổng số bị cáo thuộc nhóm tội phạm đó bị xét xử thấp nhất là nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người chỉ 0,74%.

Tính từ năm 2003 đến nay, hàng năm số vụ án mà Tòa án 27 huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh có kháng cáo (kháng nghị) chiếm khoảng 15 - 20%. Từ năm 2003 đến năm 2006 theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp huyện được xử các vụ án có khung hình phạt đến 07 năm tù, nên một năm Tòa án tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm khoảng từ 120 - 140 vụ. Từ năm 2006, 2007 toàn bộ các Tòa án huyện trong tỉnh đều được tăng thẩm quyền xét xử theo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét xử các bị cáo bị truy tố theo khung hình phạt đến 15 năm tù

(trừ một số tội theo quy định tại Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự, nên một trung bình một năm Tòa án tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm từ 220 - 270 vụ án hình sự, trung bình trên 300 bị cáo có kháng cáo/năm.

Tuy nhiên, số lượng bị cáo được Tòa án tỉnh áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng rất ít, có năm ba đến bốn bị cáo, năm nhiều từ 11 đến trên 14 bị cáo. Về nguyên nhân Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hạn chế áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ có nhiều nguyên nhân (sẽ được chúng tôi nói rõ ở phần sau).

Từ thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời gian 11 năm (2003-2013), chúng tôi nhận thấy có một số tồn tại, hạn chế của việc áp dụng như sau:

Thứ nhất, nguyên nhân do các quy định của luật thực định. Pháp luật là khuôn mẫu pháp lý cho hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức và công dân. Tình trạng pháp luật và mức độ phát triển, hoàn thiện của nó ảnh hưởng trực tiếp đến thực tiễn áp dụng pháp luật. Luật thực định càng hoàn thiện thì hiệu quả áp dụng pháp luật càng cao.

Thứ hai, nguyên nhân từ công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật; thanh tra, kiểm tra hoạt động xét xử nói chung và hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới. Công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật và đường lối xét xử thống nhất là một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng của Tòa án nhân dân tối cao được luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 quy định.

Thứ ba, nguyên nhân từ chủ thể áp dụng pháp luật hình sự. Người phạm tội có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nhưng không được Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, trong trường hợp này có thể là do tâm lý xét xử; do thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; hoặc do thiếu năng lực, kinh nghiệm, tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thứ tư, việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn nhiều hạn chế. Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ bước đầu có hiệu quả. Ủy ban

nhân dân các xã, phường, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở cơ sở theo dõi, giám sát, giáo dục người bị kết án, tạo điều kiện cho họ làm ăn, sinh sống trong môi trường xã hội bình thường, trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ

Hoàn thiện pháp luật nói chung, trong đó có Bộ luật hình sự nói riêng luôn là yêu cầu tất yếu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhất là trong định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII đã thông qua chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh trong toàn khóa (2011-2016) trong đó có nội dung ban hành Bộ luật hình sự (sửa đổi) thay thế Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

3.1.1. Về phương diện thực tiễn

Về phương diện thực tiễn, sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự vẫn còn một số trường hợp áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không đúng pháp luật và không đầy đủ những điều kiện. Cụ thể, việc đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi và người phạm tội còn chưa đầy đủ và chính xác, không đủ điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng vẫn áp dụng hoặc đủ điều kiện được hưởng nhưng lại không áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thứ hai, có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng áp dụng không đúng các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ, đó là nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan

3.1.2. Về phương diện lập pháp

Một là, trong Bộ luật hình sự năm 1985 cũng như Bộ luật hình sự năm 1999 đều chưa đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ; điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ chưa được chặt chẽ và hợp lý.

Hai là, các nhà làm luật nước ta cần bổ sung quy định một cách rõ ràng cụ thể để có nhận thức đúng đắn khi áp dụng và cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ba là, giữa hình phạt cải tạo không giam giữ và chế độ án treo ở một chừng mực nhất định còn chưa có sự phân biệt rõ ràng, cụ thể và tách biệt giữa chúng.

Bốn là, trong xu thế hội nhập khu vực và thế giới cũng đòi hỏi Bộ luật hình sự của nước ta nói chung, hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng cũng cần phù hợp và có sự tham khảo, chọn lọc các quy định của pháp luật hình sự các nước (trong đó có quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ), cũng như góp phần nhân đạo hóa hơn nữa chính sách pháp luật của Nhà nước nói chung và của Bộ luật hình sự nói riêng.

3.1.3. Về phương diện lý luận

Thứ nhất, nó góp phần giúp cho cán bộ nghiên cứu khoa học-giảng dạy, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành tư pháp hình sự có nhận thức đúng đắn và thống nhất về hình phạt cải tạo không giam giữ, về những điều kiện áp dụng của từng trường hợp tương ứng để phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Thứ hai, nó còn giúp cho những người có thẩm quyền trong cơ quan Tòa án nhận thức đầy đủ, đúng đắn và chính xác để từ đó ra các quyết định áp dụng hay không áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội có căn cứ và đúng pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, qua đó bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp không chỉ của xã hội, của công dân mà còn cả của bị cáo

Thứ ba, hoàn thiện hình phạt cải tạo không giam giữ dưới góc độ này sẽ góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận luật hình sự Việt Nam, cũng

như là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích bổ sung vào khoa học luật hình sự nước ta về hình phạt cải tạo không giam giữ.

3.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của bộ luật hình sự năm 1999 về hình phạt cải tạo không giam giữ

Từ việc nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ, chúng tôi có một số nhận xét và kiến nghị về việc quy định và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thứ nhất, Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành và Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 của Quốc hội đều chưa đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thứ hai, những điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đã được Bộ luật hình sự năm 1999 ghi nhận khá rõ ràng và cụ thể, tuy nhiên cần thiết phải có điều kiện: người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, và cần ghi nhận rõ hơn về điều kiện: nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người đó ra khỏi xã hội (về tình tiết nào giúp cho Tòa án xác định không cần thiết phải cách ly người bị kết án có thể được ghi nhận trong văn bản hướng dẫn) tránh tình trạng áp dụng tùy tiện mang tính chủ quan như thực tiễn hiện nay ở một số Tòa án.

Thứ ba, Bộ luật hình sự cần phải có chế tài xử lý đối với người bị kết án trong trường hợp họ không thực hiện nghĩa vụ của mình như nghĩa vụ khai báo thu nhập, khấu trừ thu nhập; v.v...

Trên cơ sở những nhận xét và kiến nghị này, dưới góc độ khoa học, chúng tôi xin đưa ra mô hình của các quy phạm về hình phạt cải tạo không giam giữ, và hình phạt này áp dụng với người chưa thành niên như sau:

Điều 31. Hình phạt cải tạo không giam giữ

1. Cải tạo không giam giữ là không cách ly người bị kết án khỏi đời sống xã hội mà giao người bị kết án cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

2. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ từ 5% đến 20% thu nhập để sung quỹ Nhà nước. ***Căn cứ để tính khấu trừ thu nhập là thu nhập hàng tháng hoặc mức thu nhập trung bình tại địa phương người bị kết án cư trú.*** Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng xét xử có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án.

...

Điều...: Những điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ

1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ sáu tháng đến ba năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, ***có nhiều tình tiết giảm nhẹ***, có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng, và có căn cứ rõ ràng không cần thiết phải cách ly người bị kết án khỏi xã hội

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời hạn tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

2. Người bị phạt cải tạo không giam giữ không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng nghĩa vụ của mình thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án trên những cơ sở chung.

3. Khi người bị kết án đã chấp hành được một phần ba thời hạn cải tạo không giam giữ và có nhiều tiến bộ hoặc lập công, mắc bệnh hiểm nghèo thì có thể được Tòa án xét giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại các điều 58, 59, và 76 của Bộ luật này.

...

Điều 73. Cải tạo không giam giữ

1. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng là hình phạt chính trong trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hay đặc biệt nghiêm trọng, nếu phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

2. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng là hình phạt chính theo quy định chung tại Điều 31 Bộ luật này.

3. Tòa án giao người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ cho **chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc cơ sở giáo dục, đào tạo nơi người đó học tập để giám sát, giáo dục.** Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

4. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ

3.3.1. Tăng cường năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức pháp luật, ý thức trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân

Trong những năm gần đây, đội ngũ Thẩm phán đã nâng cao về mặt chất lượng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi. Do đó, ngành Tòa án cần xây dựng đội ngũ Thẩm phán được đào tạo cơ bản tinh thông nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, thường xuyên được trau dồi kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn. Tòa án nhân dân tối cao cần đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, hội thảo, các hội nghị chuyên đề để nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ của cán bộ đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

Ý thức pháp luật là tổng thể những nhận thức, những hiểu biết của con người trong quan hệ với pháp luật hiện hành, pháp luật đã qua và pháp luật cần phải có, thể hiện sự đánh giá về tính hợp pháp hay không hợp pháp với những hoạt động của các cơ quan tổ chức trong quá trình thực hiện pháp luật. Khác với toàn dân, Thẩm phán cần có ý thức pháp luật, nghiệp vụ riêng

cao hơn, mà ý thức pháp luật đó cần theo kịp với những thành tựu đạt được của khoa học pháp lý và thực tiễn pháp lý, với các giá trị văn hóa pháp lý.

Cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ý thức pháp luật của Thẩm phán, cần thiết phải tăng cường đạo đức và đề cao tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp của họ. Thẩm phán phải bảo vệ pháp luật, bảo vệ lẽ phải và công bằng; xét xử theo lương tâm và công lý.

3.3.2. Tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật

Năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức pháp luật, ý thức trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân là những nhân tố vô cùng quan trọng để đảm bảo đúng đắn hoạt động áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở đó thì chưa thể có điều kiện tốt để Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phát huy được năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của mình. Chỉ trên cơ sở hệ thống pháp luật mà trước hết là hệ thống pháp luật hình sự hoàn chỉnh, thì Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân mới có điều kiện phát huy được khả năng làm việc của mình. Khó có thể nói đến hiệu quả thực sự trong hoạt động áp dụng pháp luật khi mà pháp luật nước ta còn nhiều thiếu sót và chặt chẽ.

Do đó, việc các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn áp dụng và thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của Bộ luật hình sự năm 1999 là một trong những yếu tố có ý nghĩa quan trọng để góp phần xử lý đúng người, đúng tội, đúng hành vi, đúng mức độ và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội.

Để tăng tính nghiêm khắc, và tránh sự tùy tiện của việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cần có văn bản hướng dẫn với nội dung:

Một là, quy định rõ những trường hợp nào được coi là không cần thiết phải cách ly người bị kết án khỏi xã hội. Quy định về việc tính khấu trừ thu nhập của người bị kết án, nếu không có thu nhập ổn định thường xuyên thì lấy mức thu nhập trung bình của địa phương để tính thu nhập hàng tháng để tính khấu trừ.

Hai là, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trong một số trường hợp cụ thể nhằm hạn chế tình trạng hình phạt cải tạo không giam giữ ít được áp dụng do quy định về chế tài mang tính chất tùy nghi của Bộ luật hình sự như đã được phân tích ở phần trên.

3.3.3. Giải pháp về sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và gia đình người được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giám sát, quản lý và giáo dục

Hình phạt cải tạo không giam giữ là một biện pháp pháp lý cần sự tham gia rộng rãi của quần chúng nhân dân, của các cơ quan, tổ chức và gia đình người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giám sát, giáo dục họ. việc chuyển giao như vậy chính là thể hiện sự vận dụng đúng đắn các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước, sức mạnh tổng hợp của các tổ chức quần chúng, cũng như của gia đình và chính quyền địa phương nhằm xóa bỏ những điều kiện, khả năng tiếp tục tái vi phạm pháp luật hoặc phạm tội, làm cho người được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ chủ động tích cực cải tạo trở thành người lao động lương thiện và có ích cho xã hội. Tuy nhiên, trong nội dung giám sát, giáo dục người phạm tội được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình, cơ quan và tổ chức cần phải có những biện pháp tích cực tác động làm cho người bị kết án thấy được hành vi phạm tội của mình trước đó, hậu quả tác hại mà mình đã gây ra cho gia đình và xã hội, thấy được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm của gia đình, cơ quan tổ chức đối với họ, để họ ý thức được trách nhiệm của mình trước gia đình, trước chính quyền địa phương và trước xã hội, phấn đấu lao động để trở thành người có ích cho xã hội. Để đạt được kết quả như vậy thì trước tiên các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, giáo dục và cải tạo người bị kết án phải kiện toàn tổ chức và hoạt động của mình.

3.3.4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân

Một là, trang bị tri thức, kiến thức, hiểu biết cơ bản và đúng đắn về pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng; hướng dẫn các thói quen ứng xử tích cực và chỉ tuân theo pháp luật. việc trang bị kiến thức này có thể

thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan đến quy chế dân chủ ở cơ sở, quy định dân chủ trong các văn bản pháp luật, phường, xã; phổ biến quyền công dân, quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân trong Hiến pháp và pháp luật trong các lĩnh vực đời sống.

Hai là, bồi dưỡng tình cảm, tâm lý pháp luật về việc tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống, giữ gìn và bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức và công dân. Ngoài ra, cần tổ chức thường xuyên các câu lạc bộ pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật. tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như loa đài phát thanh của phường, xã, thôn, xóm;

Ba là, thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ khen thưởng, biểu dương kịp thời để khuyến khích, động viên tất cả quần chúng nhân dân tham gia phong trào toàn dân đấu tranh phòng và chống tội phạm. Đây là một nội dung quan trọng trong Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP của Chính phủ "Về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới" đã thể hiện nội dung xã hội hóa công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đó là hoạt động thu hút đông đảo và rộng rãi quần chúng nhân dân trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm và giám sát, giáo dục người phạm tội, qua đó huy động sức mạnh toàn dân, thể hiện nguyên tắc dân chủ trong luật hình sự Việt Nam. Ngoài ra, hàng loạt các nghị quyết của Đảng cũng đã đề cập đến nội dung này như Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 "Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" của Bộ Chính trị; v.v...

3.3.5. Giải pháp tăng cường sự hợp tác quốc tế và trao đổi về kinh nghiệm lập pháp hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ

Thứ nhất, Bộ Tư pháp cần chủ trì hoặc cùng với các cơ quan bảo vệ pháp luật khác như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an tiếp tục cho dịch và in Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự của các nước (vì hiện nay chúng ta mới cho dịch và in các Bộ luật này của một số nước) đặc biệt là những nước có kinh nghiệm lập pháp phát triển và

các nước có quan hệ truyền thống với nước ta. Vì hiện nay chúng ta đang mở rộng quan hệ giao lưu và hợp tác về nhiều mặt, nhiều lĩnh vực với các nước, do đó cần phải tìm hiểu pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự của các nước.

Thứ hai, trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế, cần tăng cường cử các đoàn cán bộ bao gồm không chỉ các nhà khoa học luật hình sự (giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học), mà còn các cán bộ hoạt động thực tiễn (Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên) đi nghiên cứu, hoặc tập và trao đổi kinh nghiệm lập pháp hình sự và lập pháp tố tụng hình sự nói chung, về hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng của các nước tiên tiến trên thế giới, cũng như tham khảo các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong thực tiễn các nước để qua đó tiếp tục hoàn thiện pháp luật trong nước.

KẾT LUẬN

Tóm lại, việc nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: "**Hình phạt cải tạo không giam giữ theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**" cho phép đưa ra một số kết luận chung dưới đây:

1. Hình phạt cải tạo không giam giữ là một hình phạt chính không tước tự do, phản ánh nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam, thể hiện chính sách của Nhà nước ta đối với người phạm tội và hành vi do họ thực hiện, đồng thời nhằm động viên khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo nhanh chóng, hòa nhập với cộng đồng và trở thành người có ích cho xã hội khi có những điều kiện nhất định.

2. Việc quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện phương châm đúng đắn của đường lối xử lý về hình sự, đó là đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp cưỡng chế hình sự nghiêm khắc nhất của Nhà nước với các biện pháp tác động xã hội khác, với các hình phạt không tước tự do để cải tạo, giáo dục người phạm tội, bằng cách đó hạn chế áp dụng các biện pháp mang tính trấn áp về mặt hình sự.

3. Hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định cụ thể trong Phần chung và Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự Việt Nam. Qua phân tích

những điểm chưa hợp lý của các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ bộc lộ khi áp dụng trên thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời gian 11 năm (2003-2013), luận văn đã chỉ ra các nguyên nhân, đưa ra các giải pháp để hoàn thiện quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ với mong muốn giúp cho việc áp dụng và thi hành hình phạt này trên thực tế mang lại hiệu quả cao hơn nữa.

4. Để góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội và thực hiện tốt chính sách hình sự, luận văn đã đề xuất hoàn thiện hình phạt cải tạo không giam giữ trong Điều 31 và Điều 73 Bộ luật hình sự, cũng như đòi hỏi cần có sự kết hợp với các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hình phạt này trong thực tiễn.

5. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn về mặt lý luận của hình phạt cải tạo không giam giữ và tổng kết thực tiễn áp dụng trên địa bàn cả nước hình phạt này nói chung và hệ thống hình phạt nói riêng trong thời gian qua không những là hướng nghiên cứu quan trọng, mà còn là việc làm cần thiết của khoa học luật hình sự nước ta hiện nay, đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới của đất nước, qua đó thực hiện tốt Quyết định số 1236/QĐ-TTg về việc "*Phê duyệt kế hoạch tổng kết thi hành Bộ luật hình sự năm 1999*" ngày 10/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ.